

PHẬT NÓI KINH ĐẠI BI KHÔNG TRÍ KIM CƯƠNG
ĐẠI GIÁO VƯƠNG NGHI QUỸ

(Mahātantra-rāja-māyākālpa. Hoặc Hevajra dākinī-jāla samvara-tantra)

QUYỂN THỨ NHẤT

(Lược ra **Nhị Vô Ngã Pháp** trong phần 31 của **Đại Huyền Hóa Phổ Thông Nghi Quỹ**)

Hán dịch: Đồi Tống_ Tây Thiên Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu
Thí Quang Lộc Khanh_ Phổ Minh Từ Giác Truyền Phạm Đại Sư PHÁP HỘ (Dharma-
rakṣa) phụng chiếu dịch

Viết dịch: HUYỀN THANH

Phạn Chú được ghi nhận theo phần Chú Thích bên dưới bản Kinh.

TỰA CỦA KIM CƯƠNG BỘ
PHẨM THỨ NHẤT

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagaṃ:Thế Tôn) trụ tại **Nhất Thiết Như Lai Thân Ngũ Tâm Kim Cương Dụ Thí Bà Nghê Số** (Sarvatahāgata-kāya-vāk-citta-vajra-yogibhageṣo) **Bí Mật Trung Bí Mật Xuất Sinh Diệu Tam Ma Địa**.

Thời Đức Thế Tôn ấy từ **Tam Ma Địa** (Samādhi) đó phát ra lời khen ngợi là: “Lành thay! Lành thay **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (**Vajra-garbhā-bodhisatva-mahāsatva**)! Lạ thay **Kim Cương Tát Đỏa** (**Vajra-satva**), **Đại Tát Tỏa** (**Mahā-satva**), **Tam Muội Gia Tát Đỏa** (**Samaya-satva**) đều từ **Tâm Đại Bồ Đề** (**Mahā-bodhicitta**) của **Đại Bi Không Trí Kim Cương** (**Mahā-kāraṇa-hevajra**) đã mở bày!”

Khi ấy Kim Cương Tạng Bồ Tát nghe lời đó xong, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thế nào là Kim Cương Tát Đỏa? Thế nào là Đại Tát Đỏa? Thế nào là Tam Muội Gia Tát Đỏa? Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con giải nói”

Đức Phật bảo Kim Cương Tạng Bồ Tát: “**Kim Cương** (**Vajra**) là chẳng thể phá hoại. **Tát Đỏa** là **Một Tính của ba Hữu** (**Tribhavasya-ikabhā**:Tam hữu tự tính). Thắng Tuệ tương ứng, đây gọi là **Kim Cương Tát Đỏa** (**Vajra-satva**)

Nói rằng: “**Ổ Đại Trí Thắng Vị** (**Mahā-jñāna-rasa**:mùi vị của Đại Trí) sung mãn”, đây gọi là **Đại Tát Đỏa** (**Mahā-satva**)

Nói rằng: “**Thường Hành Tam Muội** (**Nityaṃ-samaya**)”, đây gọi là **Tam Muội Gia Tát Đỏa** (**Samaya-satva**)”

Thời Kim Cương Tạng Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! **Không Trí Kim Cương** (**Hevajra**) đối với tên gọi như thế thì **Nhiếp Thọ** (**Samgraha**) như thế nào? Thế nào gọi là **Không Trí** (**He**)? Nhóm nào gọi là **Kim Cương** (**Vajra**)?”

Đức Phật bảo Kim Cương Tạng Bồ Tát: “Nói **Không Trí** tức là **Đại Bi Không Trí**. Thể của Kim Cương tức là **Thắng Tuệ**. Dùng phương tiện của Thắng Tuệ thành tựu Nghi Quỹ, đối với sự thấy nghe có Đại Lực, hay hoàn thành mọi loại là: Giáng phục, cầm chặn, hoặc đẩy lùi quân khác với **Du Nghĩ Ni** (**Yoginī**). Như Lý chính đúng

ấy sinh trụ Nhân Duyên, dùng Thức Trí thành công như điều ấy hiện ra chư Phật, Thánh Hiền. Đây là **Không Trí** mới bắt đầu sinh ra **Hành Tướng**. Lại nữa đối với Tính **Đại Bi**, như vậy giải thoát, tức ở sự cột buộc của **Tính trói buộc** hay hiểu thấu khắp, thấy đều giải thoát. Tại sao thế? Vì **Tính của Thắng Tuệ** (Thắng Tuệ tính) ấy với **Tính của chỗ biết** (sở tri tính) ắt chẳng phải là **Tính**, cho nên Tính của Không Trí cũng chẳng phải là Tính, dùng **Trí vốn đang như thế** (bản nhiên Trí) dứt các lưới nghi ngờ, soi hiểu các Pháp **xưa nay** (bản nhiên) chẳng khởi”.

_Thời Kim Cương Tạng Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Không Trí như vậy làm sao mà có tướng của **huyết mạch** (Deha)?”

Đức Phật bảo Kim Cương Tạng Bồ Tát: “Tướng của huyết mạch ấy có 32 loại, đầy gọi là Tâm của 32 Bồ Đề.

Lại **Lậu Pháp** (Āsrava-dharma: Pháp chảy rỉ, tức phiền não) này ở chốn Đại Lạc tổng cộng có ba loại là: **La La Noa** (Lalanā), **Lạt Sa Ma** (Rasanā), **A Phộc Đễ** (Avadhṛti).

La La Noa (Lalanā) tức là Tự Tính của Thắng Tuệ

Lạt Sa Noa (Rasanā) là phương tiện khéo léo

A Phộc Đễ (Avadhṛti) là **Trung Thuyết** (thuyết ở giữa) lia **năng Thủ** (Grāhaka), **Sở Thủ** (Grāhya).

Lại ba loại này tức là trụ giữ **mặt trăng Trí thanh tịnh chẳng động** (bất động thanh tịnh Trí nguyệt)

32 loại Huyết Mạch ấy là:

- 1_ Chẳng thể phá hoại (Abhedyā)
- 2_ Tướng của **hình sắc vi diệu** (Sūkṣma-rūpa)
- 3_ Trời (Devya)
- 4_ Bờ mé bên trái (Ātamātra)
- 5_ Ngắn (Vāmana)
- 6_ Cô Ma Nhạ (Kṛmajā)
- 7_ Tính (Bhavakī)
- 8_ Thí Ca (Sekā)
- 9_ Lỗi lầm (Doṣā)
- 10_ A Vĩ Trá (Aviṣṭha)
- 11_ Bản Mẫu (Mātarā)
- 12_ Thiết Lý Phộc Lê (Savarī)
- 13_ Trong mát (thanh lương)
- 14_ Lửa rực rỡ (Ūṣmā: diệm sí)
- 15_ La La Noa (Lalanā)
- 16_ Lạt Sa Noa (Rasanā)
- 17_ A Phộc Đễ (Avadhṛti)
- 18_ Lượng (Pramānikā)
- 19_ Màu xanh (? Màu đen: Kṛṣṇa-varṇa)
- 20_ Bình đẳng (Samānya)
- 21_ Nhân (Hetu)
- 22_ Tương ứng (Viyoga)
- 23_ Mừng vui (Preman:hỷ)
- 24_ Thành tựu (Siddha)
- 25_ Âm áp (Pāvakī:noãn)
- 26_ Tô Mạt Tha (Sumanā)
- 27_ Chuyển (Vṛtta)

- 28_ Ham muốn (Kāminī-geha: dục)
 29_ Phần nộ (Caṇḍikā)
 30_ Ca Đa Diễn Ni (Māradārikā)
 31_ Đồng Tử (Kumāra)
 32_ Bồ thí chân thật (Dāyikā: Thí Thiết)
 Đây gọi là tướng của 32 **Huyết Mạch** (Deha)”

_Lại nữa, Kim Cương Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Điều này do nhân duyên nào mà có Tướng như vậy?”

Đức Phật bảo Kim Cương Tạng Bồ Tát: “Ấy là muốn thành thực **ba Hữu** (3 cõi), xa lìa tất cả Năng Thủ Sở Thủ, dùng các phương tiện phân biệt **Tính, Tướng**. Vì người trì Giới phân biệt giải nói Trí Tuệ, phương tiện, ba Thân, ba Nghiệp của chư Phật Hiền Thánh với **Y (E) tông (Vam) ma (Ma) dã (Yā)**

Nói **Y (E)** là **Phật Nhân Mẫu Bồ Tát** (Locanā-devī)

Tông (Vam) là **Ma Ma Chỉ Bồ Tát** (Māmakī)

Ma (Ma) là **bach Y Bồ Tát** (Paṇḍarā-devī)

Dã (Yā) là **Đa La Bồ Tát** (Tāranī)

Lại nữa, **Pháp Thân Luân** (Dharma-kāya-cakra) có đủ tướng tám cây cặm. **Báo Thân Luân** (Saṃbhoga-kāya-cakra) có đủ 16 cây cặm. **Hóa Thân Luân** (Nirmāṇa-kāya-cakra) có đủ tướng hoa sen 64 cánh. **Đại Dược Luân** (Mahā-bhaiṣajya-cakra) có đủ 32 cây cặm. Người nhìn thấy **Luân** (Cakra: bánh xe) này như vậy thứ tự có bốn sát na. Nói là **trang nghiêm Quả Báo, tác Quán lià Tướng**

Y theo **bốn Thánh Đế** (Catvāri-ārya-satya) là: **Khổ** (Duhkha), **Tập** (Samudāya), **Diệt** (Nirodha), **Đạo** (Mārga)

Y theo **bốn chân thật** là: Thân chân thật, Trí chân thật, Trì Minh chân thật, Thánh Hiền chân thật.

Có **bốn hoan hỷ** là: Hỷ Thắng, Hỷ Ly, Hỷ Câu Sinh, Hỷ Đẳng

Y theo **bốn loại Luật** là: **Thượng Tọa Bộ** (Sthavira), **Đại Chúng Bộ** (Mahā-saṅghika), **Chính Lượng Bộ** (Sammattīya, hay Sammitīya), **Nhất Thiết Hữu Bộ** (Sarvāstivāda)

Ngày, tháng, thời, phần, ngày, đêm tăng giảm là: ở tám Thời có 16 phần, 32 điểm, 64 khắc

Như vậy tất cả bốn loại **Tán Noa Lê Minh Phi** (Caṇḍarī-vidya-rājñī) tối sơ, từ vành rón (Tê Luân) ấy phát ra lửa Đại Trí thiêu đốt vút bỏ **năm Uẩn** (Pañca-skandha). Dùng **Phật Nhân Mẫu** (Locanā-devī) thiêu tàn các **Lậu** (Āsrava: sự chảy rỉ) trừ Nhân Duyên hư vọng.

NOA CÁT NI SÍ THỊNH UY NGHI CHÂN NGÔN _PHẨM THỨ HAI_

Thí Nhất Thiết Địa Thượng Âm Thực Chân Ngôn là:

“**Án** (1) **A** (2) **Hồng** (3) **phát trá, sa ha** (4)”

Oṃ Ā Hūṃ phaṭ svāhā

Đức Phật nói: “**Án A** (Oṃ Ā) là Môn tạo làm tất cả Pháp sinh ra”

_Chủng tử của năm Đức Như Lai là

- 1_ **Môn** (Vum)
- 2_ **Áng** (Ăm)
- 3_ **Nhĩ-lăng** (Jrīm)
- 4_ **Kham** (Kham)
- 5_ **Hông** (Hūm)

Không Trí Kim Cương Tâm Chân Ngôn là:

“Án (1) ni phộc tất tồ (2) phộc nhạ-la hồng (3) hồng (4) hồng (5) phát tra, sa ha (6)”

Om_ Deva picu vajra hūm_ hūm hūm phat_ svāhā

Đức Phật nói: “Đầu của tất cả câu Chân Ngôn nên an chữ **Án** (Om), tiếp theo đến chữ **Hông Phát Tra** (Hūm phat), cuối cùng dùng chữ **Sa Ha** (svāhā)”

A Súc Như Lai Chân Ngôn là:

“Án (1) át (2) cát (3) tạt (4) trá (5) đa (6) ba (7) dã thiết, sa ha (8)”

Om Ā ka ca ṭa ta pa ya _ svāhā

Đức Phật nói chữ chủng tử của tất cả **Du Nghĩ Ni** (Yoginī)

“Át (1) A (2) nhất (3) ê (4) ốt (5) ô (6) lý (7) lê (8) lỗ (9) lô (10) Y (11) ái (12) ồ (13) áo (14) ám (15) ác (16)”

A ā, i ī, ū ū, ḷ ḷ, ṛ ṛ, e ai, o au, am aḥ

Nhị Tý Minh Vương Chân Ngôn là:

“Án (1) đát-lại lộ ca (2) sất ba các (3) hồng (4) hồng (5) hồng (6) phát tra, sa ha (7)”

Om_ Trailokye kṣapa_ hūm hūm hūm phat_ svāhā

Tứ Tý Minh Vương Chân Ngôn là:

“Án (1) nhập-phộc la (2) nhập-phộc la tỳ-dụ (3) hồng (4) hồng (5) hồng (6) phát tra, sa ha (7)”

Om_ Jvala jvalabhyo_ hūm hūm hūm phat_ svāhā

Lục Tý Minh Vương Chân Ngôn là:

“Án (1) cát chi cát chi (2) phộc nhạ-la hồng (3) hồng (4) hồng (5) phát tra, sa ha (6)”

Om_ Kiṭi kiṭi jvala_ hūm hūm hūm phat_ svāhā

Gia Trì Chân Ngôn là:

“Án (1) A (2) Hồng (3)”

Om_ Aḥ Hūm

Tịnh Địa Chân Ngôn là:

“Án (1) lạc xoa, lạc xoa (2) lạc xoa hồng (3) hồng (4) hồng (5) phát tra, sa ha (6)”

Oṃ_ Rakṣa rakṣa rakṣa_ hūṃ hūṃ hūṃ phaṭ_ svāhā

Cấm Chỉ Chân Ngôn là:

“Án (1) hồng (2) sa hạ (3)”

Oṃ_ Hūṃ svāhā

Phát Khiển Chân Ngôn là:

“Án (1) Kham (2) sa hạ (3)”

Oṃ_ Kham svāhā

Phần Nộ Chân Ngôn là:

“Án (1) Hột-lăng (2) sa hạ (3)”

Oṃ_ Jvuṃ (?Hrīm) svāhā

Giáng Phục Chân Ngôn là:

“Án (1) hồng (2) sa hạ (3)”

Oṃ_ Hūṃ svāhā

Câu Triệu Chân Ngôn là:

“Án (1) Khô (2) sa hạ (3)”

Oṃ_ Gham svāhā

Lại **Giáng Phục Chân Ngôn** là:

“Án (1) Môn (2) sa hạ (3)”

Oṃ_ Vuṃ svāhā

Tín Ái Chân Ngôn là:

“Án (1) cô lỗ lê (2) hột-lý (3) sa hạ (4)”

Oṃ_ Kuru kure hrīḥ svāhā

_Đức Phật nói: “Nếu khi Trời hạn hán, người muốn cầu mưa. Trước tiên dựng lập Mạn Đà La, dùng đường viên của **Hàn Lâm** (Śītavana:khu rừng chứa cây người chết ở phương Bắc của Thành Vương Xá tại nước Ma Già Đà) tính toán **Giới Đạo**. Ở chính giữa Đàn dùng phần năm màu trong **Hàn Lâm** (Śītavana): xương làm phần trắng, than làm phần đen, gạch nung làm phần đỏ, Hùng Hoàng làm phần vàng, lá **Tuu La** làm phần viên [dùng **đá ở mỏ Đông** (thạch lục) thay thế]. Phần vẽ **Không Trí Kim Cương Đại Minh Vương** (Hevajra-mahā-vidya-rāja) tám mặt, bốn chân, mười sáu cánh tay, mặt đều có ba con mắt, làm tướng phần nộ, đập lên **A Nan Đà Long Vương** (Ananta-nāga-rāja)

Lại dùng bùn thơm làm tượng **A Nan Đà Long Vương**. Chũr chủng tử của vị Long Vương ấy với **Phi** (vợ Long Vương) đều dùng **Phác** (Phụ) **Ác** (Ah). Dùng năm Cam Lộ tẩm gội, rải hoa màu đen. Tiếp theo dùng nước cốt của **Long Hoa** xoa bôi (hoặc dùng nước cốt của **Bạch Hạo** thay thế), lại đem tượng để trên đỉnh đầu của **Si Trà Long Vương**

Vào ngày 14 của kỳ **Hắc Nguyệt** (Kṛṣṇa-pakṣa) lấy sữa của con bò đen chứa đầy trong vật khí, khiến Đổng Nữ da đen hợp làm sợi dây màu xanh, ở góc Tây Bắc của Đền làm một cái ao nhỏ, đem A Nan Đà Long Vương để trong cái ao ấy

Sau đó **A Xà Lê** (Ācārye) y theo Pháp dùng âm thanh nghiêm lệ không có gián đoạn tụng **Thỉnh Vũ** (cầu mưa) **Chân Ngôn** này là:

“Án (1) khô lỗ khô lỗ (2) khát nhiếp khát nhiếp (3) mặt sa mặt sa (4) khát trá khát trá (5) khô trá đã khô trá đã (6) a nan đa (7) súc bà cát la đã (8) na nga đề bát đa duệ (9) hứ hứ, lỗ lỗ cám (10) tát bát-đa bá đa la nga đăm (11) na nga na ca lý-sa đã (12) mặt lý-sa đã (13) nga lý-nhạ đã (14) phốc (15) phốc (16) phốc (17) phốc (18) phốc (19) phốc (20) phốc (21) phốc (22) hồng (23) hồng (24) hồng (25) sa hạ (26)”

Om_ Ghuru ghuru, ghuṭā ghuṭā, ghaha ghaha, masa masa, ghaṭa ghaṭa, ghoṭāya ghoṭāya, ananta-kṣotakarāja nāgādhīpataye, he he, ruka sapta pātālagatānā-mātākaraṣaya varṣaya tajaye, psaḥ psaḥ psaḥ, phuḥ phuḥ, paṭa paṭa, phaṭa phaṭa, hūṃ hūṃ, phatā svāhā

(?Om_ Guru ghuru, ghaha ghaha, masa masa, ghaṭa ghaṭa, ghoṭāya ghoṭāya, ananta-kṣotakarāja nāgādhīpataye, he he, ruka ruka, sapta-pātāla-gatām, nāgan-ākaraṣaya varṣāya garjāya, bho bho bho bho bho bho bho bho, hūṃ hūṃ, svāhā)

Tụng Chân Ngôn này. Nếu khi chẳng mưa, liền nên cầu đảo tụng Chú này tuôn xuống cơn mưa lớn. Lại nếu chẳng mưa sẽ khiến cho cái đầu của vị Long Vương ấy bị phá vỡ thành bảy phần như ngọn cây **Lan Hương**

_ Nếu muốn ngưng mưa, lấy cái áo của Hàn Lâm để ở bên dưới Tòa, tụng Chân Ngôn này tức hay ngưng mưa.

Chỉ Vũ (ngưng mưa) **Chân Ngôn** là:

“Án (1) a lý-dã (2) thiết ma xá na, tát-ly dạ đã (3) hồng (4) hồng (5) hồng (6) phát tra (7)”

Om_ āya āya, taja taja, śmaśāna pūyāya hūṃ hūṃ phaṭ phaṭ svāhā

(?Om_ Ārya-śmaśāna priyāya hūṃ hūṃ hūṃ phaṭ)

_ Lại nữa, Pháp thành tựu là giáng phục quân nơi khác, mau khiến cho phá hoại. Nên dùng **Họa Thạch** (đầu viên đá có vạch vệt) làm bột, bỏ vào Cam Lộ, dùng cỏ **Đoạn Thiết** hòa hợp làm thành viên tròn, gia trì tụng Chân Ngôn này là:

“Án (1) phộc nhạ-la cát lý-đa lý (2) hứ phộc nhạ-la đã (3) hồng (4) hồng (5) hồng (6) phát tra (7)”

Om_ Vajra kattari, hevajrāye hūṃ hūṃ phaṭ

Nên trước tiên tụng Chân Ngôn này mười vạn biến, hoặc một trăm vạn biến. Được thành tựu xong, liền dùng viên thuốc lúc trước, vẽ đỉnh của cái bình (bình khí đỉnh) đều khiến cho giáp vòng không bị chặt đứt, liền được mau chóng phá hoại quân ở nơi khác.

_ Nếu muốn thành tựu Pháp **Đẻ La Cám** (Trilaka), nên dùng hạt **Mạt La Ma** (Brahma-bīja), hoa **Mạn Độ Ca** màu trắng với cỏ **Đoạn Thiết**, thuốc **A Súc Tỳ** (Akṣobha). Vào lúc Nhật Thực, hòa hợp làm hình cây búa, đập dưới hai bàn chân, tụng Chân Ngôn này là:

“Án (1) phộc nhạ-la cô trá la (2) bá trá đã, bá trá đã (3) trá trá (4) hồng (5) hồng (6) hồng (7) phát trá, sa hạ (8)”

Om_ Vajra kuṭhāra ṭāya ṭāya hūṃ hūṃ phaṭ svāhā

(?Om_ Vajra-kuṭhāra, pātaya pātaya, ṭata, hūṃ hūṃ hūṃ, phaṭ svāhā)

Tụng Chân Ngôn này một trăm vạn biến, liền được thành tựu tất cả Thánh Hiền. Bên trên chẳng dám trái vượt hưởng chi là phá hoại cõi **Diêm Ma La**

_Lại nữa, Pháp thành tựu. Nếu muốn làm các bệnh sốt rét, ở trên lá cây **A Lý Ca** (Araka), dùng tuốc **Tứ Đa Ca Độc Lạt** (Citrika), viết tên gọi của **Thiệt Đốt Lỗ** (Śatrū:Oan Gia) ấy, vút ném gạo vào trong hầm lửa, tụng Chân Ngôn này là:

“Án (1) hứ phộc nhạ-la (2) nhập-phộc la, nhập-phộc la (3) thiết đốt-lung (4) bốt-lung (5) hồng (6) hồng (7) hồng (8) phát tra, sa hạ”

Oṃ_ Hevajra, jvala jvala, śatrūṃ, bhrūṃ, hūṃ hūṃ hūṃ, phaṭ svāhā

Tụng Chân Ngôn này một **A Dữu Đa** (Ayuta: một triệu), liền được thành tựu

_Nếu muốn thành tựu Pháp mở **Ma Niêm** (Madya: chỗ xoa dính), ở lỗ rốn của mình làm Quán Tưởng này, hoặc ở trên bụng quán tưởng thành tựu, sau đó mới thấy chỗ xoa dính (ma niêm) tự mở

_Nếu muốn làm Pháp tin yêu. Vào ngày mồng tám của tháng, đến dưới cây **Vô Ưu** (Aśoka), mặc áo đỏ, ăn quả **Vị Nại Na** (Madana), dùng nước cốt của **Can Ma Tứ Ca Lạc** (Kāmācikā) xoa bôi ở trên trán, tụng Chân Ngôn này là:

“Án (1) a mục kế nhĩ (2) hột-ly phộc thí (3) bà tông đồ (4) sa hạ (5)”

Oṃ_ Amukī me, hrīḥ vasi bhavatu, svāhā

Tụng Chân Ngôn này một **A Dữu Đa** (Ayuta: một triệu) không để cho gián đoạn, liền được thành tựu

_Nếu muốn ngăn chặn (chế chỉ) mặt trời, mặt trăng nên dùng com của A Xà Lê làm dạng mặt trời mặt trăng, để trong nước Kim Cương, tụng Chân Ngôn này là:

“Án (1) phộc nhạ-la lý-cát (2) ma tả la (3) ma tả la (4) để sắt-tra (5) để sắt-tra (6) hứ phộc nhạ-la (7) đã hồng (8) hồng (9) hồng (10) phát tra (11) sa hạ (12)”

Oṃ_ Vajra-kāma ācalam ācala, tiṣṭha tiṣṭha, hevajrāya hūṃ hūṃ hūṃ phaṭ svāhā

Tụng Chân Ngôn này bảy trăm vạn biến, liền chặn đứng được mặt trời mặt trăng, ở ngày đêm ấy không có phân biệt.

_Lại Pháp **Kim Cương Dụ Sa Đa Thành Tựu**. Sau ban ngày, khiến một Đồng Nữ có đủ tướng đem hương hoa cúng dường, niệm Chân Ngôn này 108 biến, sau đó dùng dầu tắm gội, lấy nước cốt của cây **Đa La** (Śāla) xoa bôi trên ngón cái của Đồng Nữ với dùng Chân Ngôn này gia trì. Tức thời nên hỏi việc của ba đời thì Đồng Nữ ấy tùy theo chỗ hỏi mà nói.

Tụng Chân Ngôn:

“Án (1) na nga-la, na nga-la”

Oṃ_ Nagrā nagrā

_Lại Pháp thành tựu

“Vi lô dã, vi lô dã”

Veṭuyā veṭuyā

Khi tụng Chân Ngôn này thời loài voi liền bỏ chạy

“Mạn ma, mạn ma”

Mammā mammā

Khi tụng Chân Ngôn này thời loài cọp liền bỏ chạy

“Đề lê dā, đề lê dā”

Telliya telliya

Khi tụng Chân Ngôn này thời loài gấu liền bỏ chạy

“Y lê, nhĩ lê, phốc phốc”

Ili mili huḥ phuḥ

Khi tụng Chân Ngôn này thời loài rắn liền bỏ chạy

Đức Phật bảo **Kim Cương Tạng Bồ Tát**: “Như Ta xưa kia từng dùng Pháp đầy đủ phục, che giữ ắt khiến cho con voi say bỏ chạy. **Ngao Lý Minh Phi** (Gaurī-vidya-rājñī), **Thiết Phộc Lý Minh Phi** (Savarī-vidya-rājñī), **Kim Cương Noa Cát Ni** (Vajra-ḍākinī) này tức là nghĩa **Vô Ngã** (Anātman). Câu triệu, phát khiến hàng **Địa Hành**, **Không Hành** đều tương ứng

NHẤT THIẾT NHƯ LAI THÂN NGŨ TÂM THÁNH HIỀN _PHẨM THỨ BA_

_Thoạt đầu quán nơi **Từ** (Maitra)

Tiếp liền quán nơi **Bi** (Kāruṇa)

Thứ ba nên quán **Hỷ** (Muditā)

Các nơi chốn, học **Xả** (Upakṣā)

_Một: **Tính Không** (Śūnyatā), **Bồ Đề** (Bodhi)

Hai: gom tập **chủng tử** (Bīja)

Ba: thành biện **hình tượng** (Pratima)

Bốn: Nên quán nghĩa **chữ** (Ākṣara)

_Hiện tiền quán chữ **La** (𑖀 : Ra)

Thành Nhật Luân (vành mặt trời) rực sáng

Ở trong mặt trời ấy

Chữ **Hồng** (𑖃 : Hūṃ), nghiệp Kim Cương

_Lại nữa, quán hình **chày**

Tường, lưới đều vòng quanh

Trước quán **Một Lý Đa** (Amṛtaka)

Thành Bạc **Pháp Giới Trí** (Dharma-dhātu-jñānaka)

_Hành Nhân ngồi trên ấy

Tự Thê tức **Không Trí**
Tim mình, tướng chữ **La** (𑀯 : Ra)
Thành mặt trời (nhật luân) rực sáng
Ở trong quán chữ **Hồng** (𑀅 : Hūṃ)
Tự Tính phương tiện Tuệ
Đại Phần Nộ (Mahā-krodha) màu xanh
Kim Cương Hồng Ca La (Hūṃ-kāra)
Dùng Nội Tâm chân thật
Giống như chày Kim Cương

_Lại nữa, quán chữ **Hồng** (𑀅 : Hūṃ)
Sinh ra tướng phần nộ
Là **Đại Bi Kim Cương** (Mahā-kāraṇa-vajra)
Giống như màu sen xanh
Đại Bi Kim Cương này
Như màu mặt trời sáng
Thấy đây như hư không
Nên **Tín Giải** (Adhimukti: y theo niềm tin mà được Thắng Giải) như vậy
_Cầm các vật trang nghiêm
Cúng dường tám **Minh Phi** (Vidya-rājñī)
Ngao Lý (Gaurī), **Lộc Lang Tha** (Mṛgalāsca)
Tru Lý (Caurī) xoa nhiếp **vật** (vật khí)
Vĩ Đa Lê (Vettalī) dâng nước
Khát Tam Ma Lý (Ghasmarī) thuốc
Bốc Cát Tây (Pukkasī) hiến chày
Thiết Phộc Lý (Savarī) sáu vị (mùi vị)
Tán Noa Lý (Caṇḍalī) âm nhạc
Nỗ Nhĩ Lý (Raudrī) ca múa
Diệu Lạc, Đại Lạc ấy
Tùy Nhật Nguyệt, ngày đêm
Trụ trong Chủng Tử đây
_Nói hữu tình như vậy
Tự Tính thắng hoan hỷ
Chuyển hiện Đại Thần Thông
Rộng che Hư Không **Đàn**
Nhỏ dần trong một Tâm
Đều thành tướng phần nộ
Màu xanh trong **nhật luân** (vành mặt trời)
Mắt: **Mạn Độ Ca** hồng
Tóc ràng búi màu vàng
Dùng **năm Ấn** trang nghiêm
Luân (bánh xe), hoàn (vòng đeo tay) với Anh Lạc
Vòng xuyên, đai màu vàng
Biểu (biểu thị) năm Phật thanh tịnh
Nói đây tên **Ấn Khế**
_Thấy tướng phần nộ ấy
Hình Đồng nữ mười sáu
Tay trái cầm **Kim Cương** (Vajra:chày Kim Cương)

Với **Cát Ba La** (Kapāla:đầu lâu) ấy
Khiết Xuân Nga (Khatvaṅga:cây trượng của Thần Śīva) cũng vậy
Tay phải: chày màu xanh
Ung đèn trong **Hàn Lâm** (Khu rừng để xác chết)
Thành tựu **Bản Sở Tôn**
Miệng tụng **Hồng Ca La** (Hūṃ-kāra)
Tám Minh Phi (Ṣaṭa-yoginī) vây quanh
Tùy phương tiện ấy nói
Tự thân tức **Hàn Lâm**
Bốn tay là **bốn Ma**
Khiến giáng phục thanh tịnh
Nên tụng nơi chữ **Hồng** (Hūṃ)
Sắc tướng như trước nói
_ Bên trái: tay thứ nhất
Tay cầm **Cát Ba La** (Kapāla:đầu lâu)
Dùng **Trời** (Deva), **A Tu La** (Asura)
Đầy **Cam Lộ** (Amṛta) sung mãn
_ Bên phải: tay thứ nhất
Tay cầm chày Kim Cương
_ Tay thứ hai bên trái
Tay thứ hai bên phải
Bát Nhã Mật Đa Giáo
Hoặc là hình tượng Phật

_ Tiếp ba mặt, sáu tay
Tay trái cầm **Cam Lộ**
Tay phải: hoặc **Nhật, Nguyệt**
Màu xanh tối sơ ấy
Tướng tay như trước nói
Đều không có tướng đầy

_ **Thanh Tịnh Ba La Mật**
Bên trái: tay thứ nhất
Tay cầm **Tam Kích Xoa**
Bên Phải: tay thứ nhất
Tay cầm chày Kim Cương
Tay trái thứ hai: **chuông**
Tay phải thứ hai: **Đao**
Hai cánh tay còn lại
Kim Cương Tinh Già La
Dùng hai loại hòa hợp
Tượng Phật, Bát Nhã Giáo
_ Hoặc lại tay trái phải
Đao với **Cát Ba La**
Ung ở chỗ trống vắng (không tịch xứ)
Thành biện việc ba cõi

HIỀN THÁNH QUÁN ĐỈNH BỘ _PHẨM THỨ TƯ_

Trước tiên, ở trái tim của mình với Chủng Tử của chữ...sinh ra lửa sáng rực rỡ màu đen, tay trái cầm móc câu, tay phải **Kỳ Khắc** (Kỳ Khắc Ấn: Ấn thống trị) như Đức Phật trụ trong ba cõi, câu triệu **tám Đại Minh Phi** (Ṣaṭa-Māṭṛ:tám Mẫu), tùy theo điều ấy cúng dường Bản Tôn.

Trước hết dùng chữ **Ấn** (Om) được tất cả Như Lai quán đỉnh, liền dùng Đức Phật ấy thành tướng **Không Trí Minh Vương** (Heruka), cầm năm Cam Lộ thành biện Hiền Bình của năm Như Lai, làm năm loại **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka). Ngay lúc quán đỉnh thời rải mọi hoa thơm đẹp với Uất Kim Hương, đánh trống ca vịnh, cúng dường **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), **Phật Nhân Mẫu** (Locana)...để hay thành tựu ba cõi của **Không Trí**, gia trì bốn uy nghi, như Thánh Hiền ấy nên biết như vậy

ĐẠI CHÂN THẬT _PHẨM THỨ NĂM_

_Tự Tính tất cả Pháp
Nơi đây thấy đều không
Nói Phi Sắc (chẳng phải là hình sắc), phi thanh (chẳng phải là âm thanh)
Tức không nghe, không thấy
Chẳng phải Hương (mùi ngửi), Vị (vị nếm), Xúc (sự tiếp chạm)
Cũng không nhóm **Năng Xúc** (hay tiếp chạm)
_Người khéo hiểu Du Già
Phi Tâm (chẳng phải là Tâm), chẳng chỗ duyên (phi sở duyên)
Nơi chị em các **Mẫu** (Māṭṛ)
Cũng nên thường cúng dường
Nỗ Nhĩ Minh Phi (Raudrī) ấy
Như **Na Chi** (Naṭī) **Nhiễm Sư** (Karma:sự nghiệp)
Tán Noa Lý Minh Phi (Caṇḍalī)
Giống người nữ Tịnh Hạnh
Trong phương tiện Thắng Tuệ
Y Nghi Quỹ cúng dường
Như ấy chẳng phân biệt
Nên gần gũi hầu hạ
_Nếu người chẳng bí mật (phi bí mật giả)
Sẽ bị khổ như vậy
Đọa trong giấc **Mê Noa** (Vyāḍa)
Trong lửa mạnh trên đất

_Ấn Chú năm Bộ này
Nói là **nhân** (Hetu) Giải Thoát
Rồi lại nói Ấn này
Tên Kim Cương Bí Mật
Là **Kim Cương** (Vajra), **Liên Hoa** (Padma)
Sự Nghiệp (Karma), **Như Lai** (Tathāgata), **Bảo** (Ratna)

Nói năm Bộ như vậy
Là Đại Bi tối thượng
Kim Cương (Vajra): **Nỗ Di Ân** (Ḍombī-mudra)
Liên Hoa (Padma): **Vũ** (Nṛtye:múa) cũng thế
Sư Nghiệp (Karma) là **Nhiễm Sư**
Như Lai (Tathāgata): nữ thanh tịnh
Bảo Bộ (Ratna-kulāya) **Tán Noa Lý** (Caṇḍalī)
Năm Ân này quyết định
Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) cũng thế
Lược chung (tổng lược) mà phân biệt
Đi tức Như Lai đi
Đến tức ngôi Cát Tường (cát tường tọa)
Dùng Thắng Tuệ tương ứng
Là Như Lai đã nói
Mở nói làm **sáu loại**
Lược chung chỉ **năm Bộ**
Sau lại có **ba việc**
Là nghiệp **thân, miệng, ý**

Lại nói năm Bộ này
Tức Tụ Tính **năm Uẩn** (Pañca-skandha)
Như vậy sinh ra Thân
Đấy nói là năm Bộ
Không chỗ quán tượng Thánh
Cũng không người hay quán
Không Chân Ngôn trụ xứ
Thành năm loại Tụ Tính
Đại Tỳ Lô Giá Na (Mahā-vairocana)
Với **A Súc Như Lai** (Akṣobhya-tathāgata)
Bất Không Thành Tụ Phật (Amogha-siddhi-buddha)
Bảo Sinh (Ratna-sambhava), **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Phạm Vương (Brahmā), **Vĩ Sắt Noa** (Viṣṇu)
Cùng với **Đại Tụ Tại** (Śiva)
Tất cả hàng quyền thuộc
Nên chân thật mở bày
Phạm Vương: thành Chính Giác
Vĩ Sắt Nỗ: tin yêu
Đại Tụ Tại: cát tường
Tất cả thường an trụ
Chân, Thường, Lạc rộng lớn
Khai ngộ khiến yêu thích
Như vậy trong thân mình
Sinh ra các Hiền Thánh

Người đó có Phước Trí
Giống như **Bạc Già Phạm** (Bhagavam:Thế Tôn)
Nhóm **Tụ Tại, sí thịnh...**

Đầy đủ **sáu loại Đức** (Tự Tại, Sí Thịnh, Đoan Nghiêm, Danh Xung, Cát Tường, Tôn Quý)

Lại như Phật Thế Tôn
Phá các Ma phiền não
Cũng như Đại Trí Mẫu
Sinh ra hết thầy Tính
Các chị em Thắng Tuệ
Hay phân biệt hiện hiện
Lại như **Nhiễm Sư Nữ**
Làm ca, vịnh, múa, giỡn
Niệm ấy (người ấy) như **Nhiễm Sư**
Gần gũi các chúng sinh
Nói ấy (người ấy) như người nữ
Sinh ra các Công Đức
Ca, vịnh như Thắng Tuệ
Xoay chuyển thành Đại Bi
_Nói **Nỗ Nhĩ Minh Phi** (Raudrī)
Nên chẳng nhận các **Xúc** (sự tiếp chạm)
Nơi các Thánh Hiền ấy
Nói nhiều loại xung tán
_Nên vẽ Mạn Noa La
Hành Tướng như trước nói
Như cột buộc ngón tay
Hoặc kéo rút mở Ấn
Nơi ấy (Ấn ấy) tịnh suy tư
Tùy ứng thành Quán Hạnh
Được Diệu Lạc như vậy
Nơi mình thường thọ dụng
Sạch hết cửa Sinh Tử
Nói tên **An Lạc Định**

PHẬT NÓI KINH ĐẠI BI KHÔNG TRÍ KIM CƯƠNG
ĐẠI GIÁO VƯƠNG NGHI QUỶ
QUYÊN THỨ NHẤT (Hết)